| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 36/2026/HS-ST
Ngày 18-6-2026

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Anh Tuấn.
*Thẩm phán:* Ông Lâm Anh Luyện.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh - Cán bộ nghỉ hưu.
2. Bà Trịnh Hồng Hạnh - Cán bộ nghỉ hưu.
3. Ông Trần Hoài Nam - Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản HCM phường Bình Thuận, tỉnh Tuyên Quang.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Phương Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà:*** Bà Bà Hoàng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang và điểm cầu Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp và trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2026/TLST-HS, ngày 24 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2026/QĐXXST-HS, ngày 04 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **VÀNG MÍ DIA**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1990, tại xã Đ, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cước công dân số: 002090011878; Ngày cấp: 25 tháng 6 năm 2021; Nơi cấp: Cục C1 về TTXH - Bộ C2.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 4/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Vàng Sính T (đã chết) và bà Sùng Thị M, sinh năm 1971.

Vợ: Giàng Thị C (đã chết).

Con: Có 02 người con; con lớn sinh năm 2014; con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/12/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh T - Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* **Vàng Mí D**: Bà **Hoàng Thị Ngọc M1**, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T2 tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ cơ quan: Đường T, phường H, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng dân tộc Mông:* Anh **Vàng Văn S**, sinh năm 2005.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

- *Bị hại:* Cháu **Vàng Thị H**, sinh ngày 09/9/2017 (đã chết).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại* **Vàng Thị H**: Ông **Sùng Mí V**, sinh năm 1985.

Căn cước công dân số: 002085006586; Ngày cấp: 10 tháng 5 năm 2025, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ C2.

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người đại diện hợp pháp của bị hại ông* **Sùng M2 Và**: Bà **Nguyễn Thị Thanh H1**, Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh Trợ giúp pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T - Vắng mặt (bà H1 có đơn xin vắng mặt và có bản Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người đại diện hợp pháp của bị hại ông Sùng Mí V).

- *Người làm chứng:* Cháu **Vàng Thị M3**, sinh năm 2014.

*Người đại diện hợp pháp của người làm chứng cháu* **Vàng Thị M3**: Bà **Sùng Thị M**, sinh năm 1971 (là bà nội của cháu Vàng Thị M3).

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang - Cháu M3 và bà M3 có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vàng Mí D, sinh năm 1990, trú tại thôn C, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang, kết hôn với chị Giàng Thị C, sinh năm 1992, từ năm 2014, hai vợ chồng D, C có 02 người con chung là cháu Vàng Thị M3, sinh ngày 24/8/2014 và cháu Vàng Thị H, sinh ngày 09/9/2017, gia đình Dia sinh sống tại thôn C, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi sinh cháu H, chị C đã chết do bệnh lý, nên D một mình nuôi cháu M3 và cháu H ăn học. Từ năm 2021, D thường xuyên uống rượu, khi uống rượu Dia hay đánh chửi các con.

Khoảng 18 giờ, ngày 29/11/2025, D cùng cháu M3 và cháu H ăn cơm tối tại nhà, trong bữa cơm D một mình tự uống hết khoảng 01 chai rượu *(có dung tích khoảng 300ml),* sau khi ăn cơm xong Dia đóng cửa nhà, lấy dây buộc cửa lại để đi ngủ, lúc này cháu M3 và cháu H đã lên giường nằm ngủ, D bảo cháu M3 và cháu H dậy học bài, nhưng cháu M3 và cháu H không chịu dậy, D liền đi đến đứng bên cạnh giường, cầm vào chiếc chăn cháu M3 đang đắp kéo ghì vào phần cổ cháu M3 theo hướng từ trên xuống dưới, cháu M3 rướn người ngồi dậy thì bị D dùng tay phải đấm liên tiếp 02 phát trúng vào phần bụng của cháu M3 và tát 01 phát trúng vào vùng thái dương bên phải của cháu M3, sau đó D dùng hai tay cầm vào hai cổ tay của cháu M3 thì cháu M3 bước xuống dưới giường đứng đối diện D, cháu M3 giật tay ra khỏi tay D rồi chạy đến mở cửa phụ bỏ chạy ra ngoài, D đuổi theo cháu M3 (*cháu M3 chạy đến nhà Sùng Thị M, sinh năm 1971, ở cùng thôn, là mẹ kế của D, cách nhà ở của gia đình D khoảng hơn 30 mét)*, đến cách tường nhà bà M 6,40 mét, thấy cháu M chạy vào trong thì D quay về nhà. Khi vào đến nhà, thấy cháu H đang đứng ở trong nhà, D tiếp tục chửi cháu H về việc không chịu học bài rồi lấy con dao đang để trên cột trong nhà đi đến cắt đứt dây buộc cửa, D ném con dao xuống nền nhà ở phía trong cửa, D vừa chửi cháu H vừa lấy chiếc cuốc đang để ở góc nhà cạnh cửa

chính rồi đi đến vị trí cháu H đang đứng, D dùng tay trái cầm chiếc cuốc vung lên đánh 01 phát trúng vào phần bắp tay trái của cháu H, tiếp đến D chuyển chiếc cuốc sang cầm vào tay phải rồi dùng phần cán cuốc đánh vào phần mông bên trái của cháu H, cháu H ngồi xuống khóc, D quay người bỏ đi thì cháu H đứng dậy mở cửa chính chạy ra ngoài, thấy vậy D liền cầm chiếc cuốc đuổi theo cháu H. Khi cháu H chạy đến khu vực vườn cạnh nhà, D chạy đuổi theo cách cháu H 5,40 mét thì nhặt cầm 01 viên đá ném về phía cháu H, viên đá trúng người cháu H làm cháu H ngã xuống đất trong tư thế nằm úp, D chạy đến vị trí cháu H nằm ngã, dùng hai tay cầm chiếc cuốc vung lên bổ liên tiếp 02 phát theo chiều hướng từ trên xuống dưới trúng vào vùng đầu của cháu H, lúc này cán cuốc bị gãy, D vứt đoạn cán cuốc đang cầm trên tay đi, nhặt cầm đoạn cán cuốc có thân lưỡi cuốc quay lại nhà ném xuống sân rồi đi đến vị trí để chiếc thùng phi chứa nước sinh hoạt của gia đình ở góc sân, D nhặt cầm 01 viên đá tại trên bờ rào tường xếp đá của gia đình rồi quay lại vị trí cháu H, D tiếp tục cầm viên đá đập liên tiếp nhiều phát (không xác định được khoảng bao nhiêu phát) trúng vào vùng đầu của cháu H, sau đó D cầm viên đá đi về nhà. Khi đến trước cửa nhà, D vứt viên đá đi rồi nhặt cầm đoạn cán cuốc đi vào trong nhà, ném đoạn cán cuốc gãy về phía cửa phụ ở trong nhà rồi lên giường nằm ngủ. Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 30/11/2025, anh V hàng xóm cạnh nhà D phát hiện cháu Vàng Thị H, sinh ngày 09/9/2017, trú tại thôn C, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang tử vong tại bãi đất nương ngô gần nhà ở của gia đình cháu H, tại vùng đầu cháu H có nhiều vết thương chảy máu, xung quanh vị trí cháu H tử vong có nhiều dấu vết máu nên đã báo Công an giải quyết.

Ngày 30/11/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H ra Quyết định trưng cầu Phòng K Công an tỉnh T, giám định nguyên nhân chết của bị hại Vàng Thị H. Ngày 15/12/2025, Phòng K Công an tỉnh T có Kết luận giám định tử thi số 1650/KLGĐTT-KTHS, kết luận: (1) Nguyên nhân chết của Vàng Thị H: Chấn thương sọ não, trên người bị đa vết thương. (2) Cơ chế hình thành thương tích trên thân thể Vàng Thị H: Tổn thương vùng đầu do vật tầy dạng có cạnh gây ra; Các tổn thương còn lại do vật tầy gây ra. (3) Thời gian chết của Vàng Thị H: Tính đến thời điểm khám nghiệm, Vàng Thị H chết khoảng 19 giờ.

Ngày 02/12/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H ra Quyết định trưng cầu V1, Bộ Y giám định ADN các mẫu thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi. Ngày 12/12/2025, V2, Bộ Y có Kết luận giám định ADN số 013/26/KLGĐADN-PYQG, kết luận: (1) Thử định tính phát hiện nhanh vết máu người từ mẫu ký hiệu A1 (Lưỡi cuốc kim loại thu tại vị trí số 2), A2 (Chất màu nâu đỏ thu tại vị trí số 3), A3 (Đoạn cành cây thu tại vị trí số 4), A4 (Viên đá bám dính chất màu nâu đỏ thu tại vị trí số 6), A5 (Chất màu nâu đỏ thu tại mu bàn tay và các ngón tay phải của Vàng Mí D), A6 (Đôi dép bám dính chất màu nâu đỏ thu của Vàng Mí D), A7 (02 mảnh gỗ thu tại vị trí số A): Dương tính. (2) Dữ liệu ADN thu từ mẫu ký hiệu A1, A2, A4, A6, A7 trùng khớp với ADN của Vàng Thị H trên tất cả các locus STR đã so sánh. (3) Dữ liệu ADN thu từ mẫu ký hiệu A3, A6 trùng khớp với ADN của Vàng Mí D trên tất cả các locus STR đã so sánh. (4) Không thu được dữ liệu ADN từ mẫu ký hiệu A5 (mẫu đã bị phân hủy) nên không thể so sánh với ADN của Vàng Thị H và Vàng Mí D.

Ngày 24/12/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã ra Quyết định trưng cầu Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc - Bộ Y, giám định pháp y tâm thần đối với bị cáo Vàng Mí D. Ngày 03/02/2026, Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc - Bộ Y có Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 09/KLGĐ, kết luận: (1) Vàng Mí D, sinh năm 1990, trú tại thôn C, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang, bị bệnh Rối loạn loạn thần do sử dụng rượu (F10.5 - Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 về các rối loạn tâm thần và hành vi); (2) Tại thời điểm thực hiện hành vi Giết người vào ngày 29/11/2025, Vàng Mí D bị bệnh Rối loạn loạn thần do sử dụng rượu, do hoang tưởng và ảo giác chi phối, Vàng Mí D mất khả năng nhận thức và mất khả năng điều khiển hành vi; (3) Hiện tại (tại thời điểm giám định), Vàng Mí D bị bệnh: Rối loạn loạn thần do sử dụng rượu, giai đoạn khỏi bệnh. Vàng Mí D đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

Ngày 13/03/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T ban hành Quyết định trưng cầu giám định số: C230/QĐ-CSHS, yêu cầu giám định vật gây thương tích. Ngày 16/3/2026 Trung tâm giám định pháp y tỉnh T kết luận: 01 lưỡi cuốc bằng kim loại; 01 viên đá; 02 mảnh gỗ có thể phù hợp là vật gây ra các thương tích trên cơ thể của Vàng Thị H.

*Về trách nhiệm dân sự*: Ông Sùng Mí V, sinh năm 1985, trú tại thôn C, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang, là người đại diện hợp pháp cho bị hại Vàng Thị H không đề nghị bị cáo Vàng Mí D bồi thường bất kỳ khoản chi phí nào.

*Về vật chứng thu giữ*: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ 01 lưỡi cuốc bằng kim loại; 01 viên đá; 01 đôi dép, loại dép tổ ong, trên dép có bám dính chất màu nâu đỏ, dép cũ, đã qua sử dụng; 01 đoạn cành cây; 02 mảnh gỗ; 01 mảnh gỗ; 01 đèn pin; 01 chai nhựa; 01 quần vải, loại quần dài, màu đen, quần cũ, đã qua sử dụng; 01 áo khoác màu xám, áo cũ đã qua sử dụng; 01 áo len, dài tay có các sọc ngang màu trắng - xanh, áo cũ đã qua sử dụng. Vật chứng được chuyển sang cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo quy định.

Từ nội dung trên, tại Bản Cáo trạng số: 39/CT-VKSTQ-P2, ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố bị cáo Vàng Mí D về tội *"Giết người"* quy định tại điểm b khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo D tiếp tục khai nhận sau khi uống rượu xong, bị cáo đã chửi và đánh cháu M sau đó cầm cuốc đuổi đánh cháu H (là con ruột của bị cáo), khi cháu H bỏ chạy ra vườn thì bị cáo ném đá làm cháu H ngã xuống đất thì bị cáo dùng cuốc bổ liên tiếp vào vùng đầu, tiếp đó bị cáo dùng đá đập nhiều phát vào đầu, hậu quả làm cháu H chết. Bị cáo có được nhận thông báo về các Kết luận giám định có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và không có ý kiến gì, bị cáo không đề nghị giám định lại. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố bị cáo là đúng tội, không oan.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự bị cáo D có ý kiến: Người đại diện cho bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, nên bị cáo nhất trí và không có ý kiến gì.

Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Sùng M2 Và trình bày: Việc bị cáo D đã có hành vi giết hại cháu H như thế nào ông không biết chỉ đến sáng hôm sau ông đi qua nhà cháu H thì phát hiện cháu H đã chết nằm ở nương gần nhà cháu H, nên ông báo Công an đến giải quyết.

Về trách nhiệm hình sự ông V đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo D theo

quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự, ông V không đề nghị bị cáo Vàng Mí D bồi thường bất kỳ khoản chi phí nào.

Người làm chứng cháu Vàng Thị M3 trình bày: Tối ngày 29/11/2025, sau khi uống rượu, bị cáo Vàng Mí D là bố đẻ của cháu đã chửi, đánh cháu và em Vàng Thị H, do vậy cháu đã bỏ chạy sang nhà bà M3 ngủ, nên không biết việc bố cháu Vàng Mí D đã đánh chết em H như thế nào.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Vàng Mí D và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Vàng Mí D phạm tội *"Giết người"*.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Vàng Mí D mức án từ 19 (Mười chín) năm tù đến 20 (Hai mươi) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 01/12/2025.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Do người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo D phải bồi thường gì, nên không xem xét giải quyết.

- Về vật chứng: Do vật chứng đã thu giữ không còn giá trị sử dụng, nên đề nghị tịch thu tiêu hủy theo quy định.

- Do bị cáo D là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội dặc biệt khó khăn và bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí, nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo D theo quy định. Đề nghị tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo D không tranh luận gì.

Phần tranh luận và bào chữa cho bị cáo D của bà Hoàng Thị Ngọc M1 - Trợ giúp viên pháp lý trình bày tại phiên tòa: Nhất trí với tội danh, điều luật như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố đối với bị cáo Vàng Mí D về tội *"Giết người"*. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo D mức án thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Do người đại diện phợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo D bồi thường gì, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hình sự sơ thẩm đề nghị miễn toàn bộ cho bị cáo D theo quy định.

Bị cáo D nhất trí với lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý bà M1; bị cáo không có ý kiến tranh luận gì khác.

Người đại diện hợp pháp của bị hại cháu H là ông V không có ý kiến tranh luận gì.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người đại diện hợp pháp của bị hại ông V bà Nguyễn Thị Thanh H1 - Trợ giúp viên pháp lý trình bày tại bản Luận cứ:

- Về tội danh: Nhất trí quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, đối với bị cáo Vàng Mí D về tội *"Giết người"* theo quy định điểm b khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Vàng Mí D: Đây là vụ án *"Giết người"* có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến quyền bất khả xâm phạm về tính mạng của người khác gây ảnh hưởng xấu tới tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Trong vụ án này, cháu Vàng Thị H là con thứ hai của bị cáo, mẹ cháu mất sớm, bị cáo Vàng Mí D là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con. Đáng lẽ ra khi các cháu đã thiếu đi sự yêu thương chăm sóc từ mẹ, thì với vai trò là người cha bị cáo phải chỉn chu làm ăn, yêu thương chăm sóc các con, nhưng bị cáo lại thường xuyên sử dụng rượu dẫn đến loạn thần do rượu và hay có hành vi đánh, chửi các con. Theo Kết luận giám định tại thời điểm phạm tội, bị cáo bị rối loạn, loạn thần do rượu, do hoang tưởng và ảo giác chi phối, mất khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Tuy nhiên, theo Điều 13 của Bộ luật hình sự bị cáo Vàng Mí D vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Cần phải xử phạt bị cáo Vàng Mí D mức hình phạt thật nghiêm minh mới đủ sức răn đe, giáo dục, cũng như làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật nói chung.

- Về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Vàng Mí D: Quá trình điều tra người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo Vàng Mí D có trách nhiệm bồi thường. Nên đối với vấn đề dân sự trong vụ án không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Người đại diện hợp pháp của bị hại ông V nhất trí với toàn bộ nội dung Bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông của Trợ giúp viên pháp lý bà H1 và không bổ sung thêm ý kiến gì.

Bị cáo D nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là sai trái, vi phạm pháp luật; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo D tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra; phù hợp với lời khai người làm chứng; phù hợp với vật chứng đã thu giữ và Kết luận giám định, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có lưu trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Tối ngày 29/11/2025, sau khi uống rượu, bị cáo Vàng Mí D đã có hành vi chửi bới và đánh hai con ruột là cháu Vàng Thị M3, sinh ngày 24/8/2014 và cháu Vàng Thị H, sinh ngày 09/9/2017 do các cháu không nghe lời học bài. Dia đánh cháu M3 trước khiến cháu bỏ chạy sang nhà bà M3 ở gần nhà mình, sau đó bị cáo D tiếp tục cầm cuốc đuổi đánh cháu H. Khi cháu H bỏ chạy ra nương gần nhà, D đuổi theo ném đá làm cháu ngã xuống đất rồi dùng cuốc bổ liên tiếp nhiều phát vào vùng đầu, sau đó tiếp tục dùng đá đập nhiều lần vào đầu, dẫn đến cháu H chết tại chỗ. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, truy tố Vàng Mí D về tội *"Giết người"*, theo điểm b khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo D và vợ là chị Giàng Thị C có 02 người con chung là cháu Vàng Thị M3, sinh ngày 24/8/2014 và cháu

Vàng Thị H, sinh ngày 09/9/2017. Sau khi sinh cháu H chị C chết, bị cáo D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục chúa M3 và cháu H thì đáng lẽ ra với vai trò là người bố bị cáo phải chỉn chu làm ăn, yêu thương chăm sóc các con, nhưng bị cáo lại thường xuyên uống rượu dẫn đến loạn thần do rượu và thường có hành vi đánh, chửi các con. Theo Kết luận giám định tại thời điểm phạm tội, bị cáo D bị rối loạn, loạn thần do rượu, do hoang tưởng và ảo giác chi phối, mất khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Tuy nhiên, theo Điều 13 của Bộ luật hình sự thì bị cáo Vàng Mí D vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo D đã dùng cuốc bổ liên tiếp vào vùng đầu và dùng đá đập nhiều lần vào đầu của bị hại H, hậu quả làm cháu H chết tại chỗ gây dư luận xấu trong xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng do lỗi cố ý, nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh theo quy định của pháp luật và cần buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như phục vụ công tác phòng chống tội phạm chung.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Do bị hại cháu H là con đẻ của bị cáo, do bị cáo trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, là người lệ thuộc bị cáo về mặt vật chất, tinh thần, nên bị cáo D bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy bị cáo D tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức còn hạn chế, gia đình bị cáo là hộ nghèo, nên đây là tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để áp dụng cho bị cáo.

[5]. Về vai trò của bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo D một mình thực hiện hành vi phạm tội, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với toàn bộ hành vi giết người của mình đã gây ra.

[6]. Về mức án: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, nên chấp nhận xử phạt bị cáo D mức án như Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, đề nghị tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ pháp luật.

[7]. Ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý: Xét thấy ý kiến bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý Hoàng Thị Ngọc M1 bào chữa cho bị cáo D đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo D mức án thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa là không phù hợp với tính chất, nội dung vụ án, do vậy không chấp nhận. Các nội dung bào chữa khác có căn cứ pháp lý, nên chấp nhận.

Các ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thị Thanh H1 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông V là người đại diện hợp pháp của bị hại H có căn cứ pháp lý, nên chấp nhận theo quy định của pháp luật.

[8]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên toà Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[9]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Do người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo Dia bồi thường gì, các bên không có tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

[10]. Về biện pháp tư pháp: Đối với 01 lưỡi cuốc bằng kim loại, 01 đoạn cành cây, 01 viên đá, 01 đôi dép, loại dép tổ ong, 03 mảnh gỗ, 01 chiếc đèn pin, 01 chai nhựa, 01 chiếc quần vải mầu đen, loại quần dài, 01 áo khoác màu xám, 01 áo len dài tay có các sọc ngang màu trắng - xanh. Xét thấy đây là công cụ, vật chứng bị cáo D đã sử dụng vào việc phạm tội và là các tài sản thuộc sở hữu cá nhân của bị cáo, bị cáo không yêu cầu trả lại và đồ vật không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[11]. Quá trình xảy ra vụ án, bị cáo Vàng Mí D đã dùng tay chân đánh con gái là Vàng Thị M3, nhưng quá trình điều tra cháu M3 từ chối giám định. Đối với hành vi này của bị cáo Vàng Mí D do hành vi không cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra đã có Công văn số: 5975/CV-CSHS, ngày 26/3/2026 chuyển tài liệu có liên quan đến người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về hành vi của bị cáo D là có căn cứ theo quy định của pháp luật, nên không xem xét, giải quyết.

[12]. Về án phí: Bị cáo D là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình là hộ nghèo, bị cáo có đơn xin miễn án phí, do vậy miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo D theo quy định của pháp luật.

[13]. Bị cáo D; ông V và Trợ giúp viên pháp lý bà H1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

**1.** *Tuyên bố:* Bị cáo **Vàng Mí D** phạm tội *"Giết người"*.

**2.** *Xử phạt:* Bị cáo **Vàng Mí D** 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 01/12/2025.

**3.** *Về biện pháp tư pháp:* Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 lưỡi cuốc bằng kim loại, 01 đoạn cành cây, 01 viên đá, 01 đôi dép, loại dép tổ ong, 03 mảnh gỗ, 01 chiếc đèn pin, 01 chai nhựa, 01 chiếc quần vải mầu đen, loại quần dài, 01 áo khoác màu xám, 01 áo len dài tay có các sọc ngang màu trắng - xanh.

*(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 02/6/2026).*

**4.** *Về án phí:* Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vàng Mí D.

**5.** *Về quyền kháng cáo*: - Bị cáo Vàng Mý D1, ông Sùng M2 Và được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/6/2028).

- Trợ giúp viên pháp lý bà Nguyễn Thị Thanh H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- Toà phúc thẩm 1 - TANDTC tại HN;
- Viện phúc thẩm 1 - VKSNDTC tại HN;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh TQ;
- PC01, PC02, PV06, PC10 Công an tỉnh TQ;
- Thi hành án dân sự tỉnh TQ;
- Trợi giúp viên PL bà Mai, bà Huyền;
- Người tham gia tố tụng;
- Tổ HCTP TAND tỉnh TQ;
- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh TQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trần Anh Tuấn**